

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Mai Thị T
và anh Nguyễn Văn D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang;

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 24 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị T; sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm L, xã G1, huyện G, tỉnh N; “Có đơn xin vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D; sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm L, xã G1, huyện G, tỉnh N; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25- 6- 2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01- 10- 1999. Sau đó, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm

trong việc làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, từ năm 2010 đến nay, mặc dù vợ chồng sống cùng nhau nhưng sống không còn D cảm. Nay chị xét thấy D cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Tại bản tự khai ngày 09 - 7- 2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Mai Thị T qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01- 10- 1999. Sau đó, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu tháng 6 - 2020 thì có xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong việc làm ăn kinh tế nên có tranh cãi với nhau. Hiện nay, chị T đề nghị ly hôn, anh D không nhất trí vì anh muốn vợ chồng hàn gắn D cảm để cùng nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Chị T và anh D đều trình bày vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 20- 8- 2000; Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 09 - 3- 2002 và Nguyễn Mai L2, sinh ngày 17- 4- 2015. Hiện nay, con chung là Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Khánh L1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng. Còn con chung là Nguyễn Mai L2, chị T đang nuôi; ly hôn chị T nhận nuôi con chung là cháu Trang và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không có quan điểm về việc nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng khoán HTX: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn D thống nhất ý kiến: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ vào các ngày 23 - 7- 2020, đại diện đoàn thể cũng như đại diện chính quyền xã G1 cung cấp: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn D qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01- 10- 1999. Sau ngày cưới, vợ chồng sinh sống tại xóm L đến khoảng đầu năm 2015 thì chuyển về sống ở nhà mới tại xóm Q (xóm liền kề) nhưng vợ chồng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm L. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì địa phương không biết được, vợ chồng không xảy ra to tiếng, cãi vã gì nhưng khả năng cao là anh D dính vào tệ nạn ma túy. Anh D có làm đầm bãi tại địa phương, còn chị T khi làm ăn tại địa phương, khi vào miền Nam bán hải sản. Hiện nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D, địa phương nhận thấy khả năng đoàn tụ của vợ chồng là khó, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 20- 8- 2000; Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 09 - 3- 2002 và Nguyễn Mai L2, sinh ngày 17- 4- 2015. Hiện nay, con chung là Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Khánh L1 đã trưởng thành; còn con chung là Nguyễn Mai L2 hiện chị T đang nuôi; vì cháu Trang còn nhỏ nên trường hợp chị T và anh D ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp; vợ chồng không nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn D ly hôn; về con chung giao con chung là Nguyễn Mai L2, sinh ngày 17- 4- 2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn D đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 01- 10- 1999 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, từ năm 2010 đến nay, mặc dù vợ chồng sống cùng nhau nhưng sống không còn D cảm. Chị T xin ly hôn, anh D không đồng ý nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn D cảm vợ chồng, hơn nữa Tòa án đã thông báo cho anh tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh cũng không đến. Như vậy chứng tỏ anh D không tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị T được ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, 02 con lớn là Nguyễn Thành L, sinh ngày 20- 8- 2000 và Nguyễn Thị Khánh L1, sinh ngày 09 - 3- 2002 đã trưởng thành, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Mai L2, sinh ngày 17- 4- 2015 hiện chị T đang nuôi, cháu còn nhỏ và giới tính nữ, để đảm bảo sự ổn định cho việc nuôi dạy cũng như việc chăm sóc cho sự phát triển bình thường của cháu. Vì vậy giao cháu Nguyễn Mai L2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, nhưng anh D được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng khoán HTX: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao chị Mai Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Mai L2, sinh ngày 17- 4- 2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, nhưng anh D được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000006 ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã G1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm